

Số :1105/VFM.2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI
ANNOUCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/*Authorized Participants and Investors*

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange Date:* **5/11/2018**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ *Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares*
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of component securities and cash component:*

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
1	BID	570	1.12%
2	BMP	140	0.44%
3	BVH	230	1.31%
4	CII	570	1.03%
5	CTD	140	1.19%
6	CTG	1,240	2.08%
7	DHG	150	0.93%
8	DPM	520	0.59%
9	FPT	1,320	4.61%
10	GAS	320	2.01%
11	GMD	530	0.84%
12	HPG	3,030	10.02%
13	HSG	700	0.62%
14	KDC	410	0.88%
15	MBB	3,320	5.88%
16	MSN	1,390	7.83%
17	MWG	700	4.19%
18	NT2	290	0.55%
19	NVL	990	3.32%
20	PLX	390	1.49%
21	REE	570	1.21%
22	ROS	470	2.31%
23	SAB	320	4.48%
24	SBT	1,110	1.15%
25	SSI	1,080	2.22%
26	STB	5,400	4.17%
27	VCB	1,200	4.06%
28	VIC	1,450	10.46%
29	VJC	750	8.63%
30	VNM	950	10.24%

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND)

1,667,535,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND)	1,669,711,694
- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND)	2,176,694
- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:	
+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:	Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component
+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:	Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
BVH	104,940	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period 5/11/2018	Kỳ trước/Last period 5/10/2018	Chênh lệch/ Changes
Số lô đã phát hành thêm Creation Units were issued	10	5	5
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	25	0	25
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Outstanding Shares	250,300,000	251,800,000	-1,500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price	16,800	17,000	-200
Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:			
của quỹ ETF/of the Fund	4,195,985,486,701	4,305,970,939,559	-109,985,452,859
của một lô ETF/per Creation Unit	1,669,711,694	1,713,478,289	-43,766,595
của một chứng chỉ quỹ/per Share	16,697.11	17,134.78	-437.67
Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index	1,108.44	1,096.06	12.38

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân
Tổng Giám đốc/CEO